

MỘT LÀN GIÓ TINH KHÔI

(Lời dẫn nhập: Nhiều người đã say mê những sách của Nguyên Phong dịch và phóng tác, say mê về nội dung cũng như về văn phong của dịch giả. Từ một nguồn internet không biết của thân hữu nào gửi, chúng tôi nhận được bài này trong số những điện thư nhận được hằng ngày. Trộm nghĩ rằng nếu giữ cho mình thì cũng uống công người đã có lòng gửi. Xin cảm ơn thân hữu đó và cũng xin phép tác giả bài viết là PHAN LẠC TIẾP để phổ biến tới độc giả của chúng tôi, mà cũng là độc giả của ông.. TLBT - TNAC - ĐVĐĐ)

Cuộc di tản bị thương ngày nào, đối với đại đa số chúng ta, những người trong cuộc, không thiếu những người vẫn coi như mới, đêm ngủ vẫn kéo theo những hình ảnh hãi hùng, kinh khiếp, tiếp nối bằng những kỷ niệm của những ngày bỡ ngỡ trên đất tạm dung. Trong những ngày vừa hoang mang lẫn mừng rỡ nhưng cũng tràn đầy lo âu và buồn bã này, câu hỏi của đa số người di tản chúng ta trước khi đưa chân rời khỏi trại tỵ nạn, rời xa những đồng bào, bè bạn thân quen là: làm sao chúng ta liên lạc, tìm lại được nhau đây. Sống làm sao đây trong cái “bể mênh mông” là nước Mỹ rộng lớn này ? Hình ảnh tiễn đưa nhau bên cổng trại là những bàn tay nắm những bàn tay giữa kẻ đi người còn ở lại, có những mảnh giấy nhỏ viết vội vàng “đây là số điện thoại của người bảo trợ của tôi...”. Xe chuyển bánh, mảnh giấy nhỏ ghi 10 con số, đôi khi nhoè nhoẹt vì những hàng nước mắt.

Trong nỗi băn khoăn này, điển hình là trại tỵ nạn Pendleton, hàng ngày ở cafeteria, nơi gần ngã ba đặt tượng bàn tay khổng lồ xoè ra đỡ, ôm ấp người tỵ nạn, nhóm anh em nhà báo, nhà văn họp mặt. Nơi đây cũng được coi như đài “Radio Catina Di Tản”, phát xuất những tin tức, những tin đồn liên hệ đến mọi vấn đề của cuộc sống mới trên đất tạm dung. Đáng chú ý nhất là nhà báo Nguyễn Hoàng Đoan. Anh thăm hỏi mọi người, anh xin những số điện thoại, địa chỉ của những người sắp rời trại. Và cũng chính nơi đây, một số bè bạn trong làng văn, làng báo bàn bạc “phải có một tờ báo để liên lạc với nhau chứ”. Trong số những người này, cuối cùng được ra trại và định cư tại thành phố gần trại tỵ nạn nhất là San Diego, có vợ chồng Nguyễn Hoàng Đoan-Khánh Ly, Luật sư

Phạm Kim Vinh. Tờ Hồn Việt, như một nỗi khắc khoải của người Việt phải đau khổ rời bỏ quê nhà, nhưng lòng không ngớt thương về đất cũ, được ra đời ở đây. Tờ soạn đặt trong một nhà in trong một khu vực nhỏ, lúc ấy được coi như nằm ở ngoại ô thành phố, khu Mission Gorge, của thành phố San Diego. Tờ báo được đón nhận thật nồng nàn. Chỉ một thời gian sau, khi tờ báo đã có tiếng vang, đã được đồng bào khắp nơi biết đến, một số quần hùng từ các nơi tụ về góp mặt, trong đó có nhà văn Lê Tất Điều, họa sĩ Văn Mộc, và nhiều bằng hữu bốn phương gửi bài về hỗ trợ. Đó là tờ báo tư nhân đầu tiên của người tỵ nạn, ở cực Nam và cực Tây của nước Mỹ này. Được mời gọi, trong những ngày này, tôi cũng có đóng góp một vài bài như một hành động thân hữu có mặt tại địa phương. Nay sau hơn 30 năm tờ Hồn Việt vẫn tồn tại do Ngọc Hoài Phương làm chủ nhiệm, chủ bút phát hành rộng rãi trong cộng đồng người Việt trong thế giới tự do.

Trong khi đó, nơi được coi là đối đầu với vùng Nam Cali, có tờ Đất Mới ở thành phố Seattle, do anh Vũ Đức Vinh, tức nhà văn Huy Quang, nguyên Tổng Giám Đốc Nha Vô Tuyến Truyền Thanh của VNCH đứng ra thành lập, được sự tài trợ chính thức của chính quyền địa phương nhằm mục đích thông tin và hướng dẫn người Việt tỵ nạn sớm hoà nhập vào xã hội Hoa Kỳ. Lúc ấy vào cuối năm 1975, gia đình tôi đang chân ướt chân ráo rời bỏ San Diego, đến định cư tại thành phố biển hồ, Salt Lake City, do một số bạn bè kéo gọi. Sau nhiều tháng dài chờ nhận những lá thư từ chối của các hãng xưởng ở Cali, nay có công việc tuy không hay ho gì, nhưng có lẽ nhờ chịu khó và có chút khéo tay, tôi đang làm việc cho một hãng đóng tàu nhỏ, loại tàu đi câu cá, chỉ trong 3 tháng đã được tăng lương 3 lần. Giữa khi ấy thì anh Huy Quang gọi tới: “Lên đây đi ông. Làm báo có lương, nhà cửa xin cũng dễ”, nhưng tôi không dám thả mồi bắt bóng, nhất là bà xã tôi cũng có việc làm trong một nhà may sang trọng trong thành phố này. Hơn thế nữa, bạn bè cùng khóa khá thân ở đây cũng đông, hàng ngày đi lại cũng rất ầm cúng. Nghe anh Huy Quang nói thế, thích lắm, nhưng tôi đành: “Xin cảm ơn anh Huy Quang thôi”. Bù lại, tôi viết cho tờ Đất Mới loạt bài về chuyến di tản của tôi trên con tàu Thị Nại, HQ 502, với trên 5000 người rời Sài Gòn giữa đêm 29 rạng ngày 30 tháng 4 năm 1975. Khi ông Dương văn Minh ra lệnh cho “anh em quân đội ở đâu ở đó, chờ bàn giao cho quân đội giải phóng” thì con tàu Thị Nại chết máy, chạt ứ những người tỵ nạn còn nằm cửa sông Soai Rạp. Con tàu ra được ngoài biển nhập vào đoàn tàu di tản là cả một câu chuyện dài, thiên nan, vạn nan. Nhờ đó hàng tháng tôi đều nhận được mỗi kỳ 2 số báo Đất Mới. Tờ báo lúc này có anh Thanh Nam làm tổng thư ký. Những người viết chủ lực ngoài anh Huy Quang là chủ bút, có chị Túy Hồng, chị Trần Lai Hồng, Nguyễn Thanh

Trang, anh Nguyễn Văn Giang, và sau này có thêm anh Mai Thảo nữa. Thỉnh thoảng thấy có bài của nhà văn, họa sĩ Võ Đình và thơ của anh Nhất Tuấn. Dù những bài viết phải bỏ dấu bằng tay, nhưng trang báo vẫn rất sạch và mỹ thuật. Chẳng những thế, mọi tin tức, dù xuất xứ từ đâu, đều được toà soạn viết lại, tránh những ngôn từ trái tai gai mắt phát xuất từ Việt Nam. Cũng trên tờ báo này, lần đầu tiên có bài viết từ trại tỵ nạn ký tên Tường Năng Tiến.

oOo

Ngoài những bài viết, những tin tức liên hệ đến cuộc sống của người tỵ nạn, tờ báo có hai mục hầu như khác hẳn nhau, mang tên cùng một người viết, đó là mục Trong Lòng Điện Tử, và [Hành Trình Về Phương Đông](#), ký tên Nguyên Phong. Lúc ấy, cách đây gần 30 năm, điện tử là một lãnh vực còn rất mới mẻ, còn trong vòng khai phá, tìm tòi, dự đoán, xa lạ. Giữa lúc ấy thì Nguyên Phong đã trình bày những hiểu biết sâu sắc với những thông tin trong lòng điện tử. Với tôi, tôi mù tịt, chẳng hiểu gì, nhưng những người bạn của em tôi đang ngày đêm học hỏi về điện tử thì hết lời khen ngợi những bài viết này. Đó là một lãnh vực mới của những người trẻ, của những ngày trước mặt. Một lãnh vực hầu như chỉ tìm thấy vùng đông rạng rỡ phát xuất từ thế giới tây phương.

Trong khi đó, cũng vẫn cùng một người viết, Nguyên Phong, với loạt bài dịch thật lạ lùng, tràn ngập sự huyền bí trước một phái đoàn khoa học lỗi lạc phát xuất từ những trường đại học danh tiếng tây phương, đi tìm những điều bí ẩn của đông phương ở những năm cuối thế kỷ thứ 19. Lúc đó nước Nga chưa bị Cộng Sản cướp chính quyền. Nước Tàu còn là miếng mồi ngon để các quốc gia tây phương sâu xé. Nói chi đến nước Việt Nam chúng ta, nơi mới bị người Pháp đặt nền thống trị. Đó là cuốn [Journey To The East](#) của Baird Spalding, nhà xuất bản Adyar, in từ năm 1924 tại Ấn Độ, Nguyên Phong đã dịch lại nhan đề là [Hành Trình Về Phương Đông](#), đăng từng kỳ trên nguyệt san Đất Mới. Tôi đã say mê theo dõi loạt bài này. Bây giờ hãy cùng nhau đọc lại vài đoạn trong cuộc đối thoại lạ lùng giữa vị đạo sư Ấn Độ với phái đoàn khoa học tây phương dưới đây:

“Trái đất quay quanh trục của nó với vận tốc 1600 cây số một giờ ở giữa đường xích đạo. Nếu quay chậm 10 lần thì ngày sẽ dài gấp 10 lần và dĩ nhiên sức nóng của mặt trời cũng gia tăng gấp 10 lần. Thế thì cây cối, sinh vật đều bị thiêu sống hết còn gì. Nếu cái gì chống được sức nóng thì cũng chết vì lạnh vì

đêm cũng dài gấp 10 lần và sức lạnh cũng tăng lên 10 lần kia mà. Ai đã làm cho trái đất quay trong một điều kiện tốt đẹp như thế ?

“Mặt trời nóng khoảng 5500 độ bách phân. Quả địa cầu ở đúng một vị trí tốt đẹp không xa quá và cũng không gần quá. Vừa vặn đủ để đón nhận sức nóng của mặt trời.”

“Trục của quả đất nghiêng theo một tà độ là 23 độ. Nếu trái đất đứng thẳng, không nghiêng bên nào thì sẽ không có thời tiết bốn mùa. Nước sẽ bốc hơi hết về hai cực và đông thành băng giá cả”.

“Babu yên lặng nhìn mọi người. Không ai có thể ngờ nhà chiêm tinh Ấn Độ lại có thể sang sảng chứng minh một cách khoa học và hùng biện trước một cử tọa toàn những khoa học gia nổi tiếng nhất của Âu châu”

“Babu quay sang nhìn giáo sư Allen, một nhà sinh vật học của trường Havard :“ Nếu toán học có vẻ trừu tượng quá hãy thử quan sát thiên nhiên dưới cái nhìn của nhà Sinh Vật Học xem sao: “Sự sống không có sức nặng hay bễ dơ mà mạnh mẽ làm sao? Bạn hãy nhìn một rễ cây non nớt, mềm yếu, vậy mà nó có thể soi nứt một tảng đá cứng rắn. Sự sống chinh phục không khí, đất, nước. Nó thống trị mọi nguyên tố, nó bắt buộc vật chất tan rã rồi lại kết hợp thành các hình thể mới”

“Chắc chắn trong 25 năm cuối của thế kỷ này sẽ có nhiều thay đổi và có những cố gắng giúp cho sự tiến bộ của nhân loại, giai đoạn này rất quan trọng.”

“Các ông là người Âu, tôi xin dẫn chứng bằng lịch sử Âu Châu cho dễ hiểu. Các ông có thể coi nó là sự trùng hợp ngẫu nhiên cũng được: Năm 1275, Roger Bacon phát động phong trào phục hưng văn hoá rồi suốt 100 năm sau toàn thể Âu Châu đều thay đổi. Năm 1375, Christian Rosenkreuz phổ biến nền văn hoá này khắp từng lớp dân chúng, đưa Âu Châu thoát khỏi nền tảng hắc ám của thời kỳ Trung Cổ. Năm 1275 và 1375 chả là 25 năm chót của thế kỷ 13 và 14 hay sao?” Và “Việc phát sinh ra máy in, ấn loát vào năm 1473 và các cao trào nghiên cứu khoa học vào năm 1578, sự dùng Anh ngữ thay vì Latin để phổ biến kiến thức khoa học của Francis Bacon. Hai việc này xảy ra vào 25 năm cuối của thế kỷ 15 và 16. Việc đòi san bằng giai cấp, dẹp chế độ Bảo Hoàng vào năm 1675 và cuộc cách mạng Pháp 1789 đều là những biến cố xảy ra trong vòng 25 năm cuối của thế kỷ 17 và 18”.

“Năm 1875 đánh dấu một bước tiến quan trọng, đó là sự phát triển khoa học văn minh cơ giới cùng thuyết “Tiến Hoá” của Darwin và phong trào Thiên Chúa giáo tự do.. Từ đây bắt đầu một cuộc tranh chấp giữa tinh thần và vật chất. Có hai mãnh lực rất mạnh phát xuất từ hai đầu tinh tú đối cực gây nên phong trào Duy Tâm và Duy Vật. Thế kỷ 20 bắt đầu với sự phát triển cực thịnh của thuyết Duy Vật. Con người sẽ bị thúc đẩy vào các sự kiện vật chất, họ sẽ gặp

những thử thách mà nhu cầu bao tử, khoái cảm xác thân tranh đấu với nhu cầu tâm linh một cách mãnh liệt. Duy Tâm sẽ phát triển mạnh mẽ và phổ biến sâu rộng để thúc đẩy sự tiến hoá tâm linh. Cuối thế kỷ 20 phong trào Duy Vật sẽ xup đồ, hiện tượng nghiên cứu các giáo lý bí truyền sẽ bắt đầu.”

oOo

Tôi nghĩ rằng khi đọc đến những hàng chữ trên, quý vị độc giả không khỏi bàng hoàng, tự hỏi : Thật sao? Cuốn sách trên đã viết như thế sao? Đúng thế. Nguyên Phong đã dịch như thế, (*Hành Trình Về Phương Đông* từ các trang 47 đến trang 62,) mà chúng tôi lược thuật lại đúng như thế. Và trở lại với thời điểm cuối thập niên 70, với đa số người tỵ nạn chúng ta thì con số 75 hay năm 1975 còn quá sâu đậm, nặng nề. Năm 75 đã đánh dấu một biến cố lịch sử đau thương không phải chỉ dành cho Việt Nam Cộng Hoà mà còn là một biến cố đau đớn cho Hoa Kỳ và cả Thế Giới Tự Do nữa. Ngày mà khối Cộng Sản từng bừng reo vui khi lá cờ đỏ của chúng tung bay trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Với sự cai trị tàn độc của Cộng Sản, những mảnh đất nào đã lọt vào tay họ không có mấy may hy vọng thoát ra. Con số 75 đã làm tôi đau đớn, kinh hoàng. Dù chẳng muốn, cá nhân tôi cũng như hầu hết những người trong cùng lứa tuổi đã bị cuốn hút vào cuộc chiến tàn khốc này với kết cục thật vô cùng ê chề. Vậy mà thời điểm ấy đã được tiên tri, được ghi lại như thế cả trăm năm. Nhưng cũng vẫn lời tiên tri ấy nói rằng: “cuối thế kỷ 20 phong trào Duy Vật sẽ xup đồ”. . . Thật chẳng? Làm gì mà tin được. Cộng Sản như một con bạch tuộc, những cái vòi chằng chịt của chúng bủa ra đến đâu, chúng hút chặt cứng ở đó, không thể thoát ra. Từ 1975, thời gian rơi rụng mỏng dần, 25 năm còn lại của thế kỷ này, mong gì con bạch tuộc kia nhả bớt những miếng mồi mà chúng đã hút chặt, bám vào. Càng nghĩ càng thêm vô vọng. Vậy mà đầu thập niên 90, như một huyền thoại, thành trì đầu não cộng sản Nga Sô và những nước vệ tinh của cộng sản ở Đông Âu tan rã. Tan rã trong hoà bình và thật là mau chóng. Bức tường Bá Linh được san bằng.. Người Đông và Tây Bá Linh sau bao năm chia lìa đã ôm nhau đầm đìa những giọt lệ mừng vui. Dù đất nước Việt chúng ta chưa thoát khỏi gông cùm cộng sản, nhưng quả thật chúng ta có quyền mừng vui, và tràn đầy hy vọng và càng thấy những điều Nguyên Phong dịch trong cuốn *Hành Trình về Phương Đông* đúng là những lời tiên tri, càng lúc càng có những biến cố làm sáng tỏ những lời tiên tri đó . Do đó tôi mong mỏi, ao ước, tìm gặp Nguyên Phong. Người ấy ở đâu, sao anh lại tìm được cuốn sách này, dịch và phổ biến được những lời linh ứng lạ lùng

kia. Làm sao tìm được người đó? Tất nhiên tôi có hỏi anh Vũ Đức Vinh, báo Đất Mới, anh chỉ cười cười và nói: *“Đương sự vẫn ở đây. Một người rất trẻ, nhưng khiêm tốn, hầu như không muốn gặp ai. Có thể đến một lúc nào đó đủ duyên thì ông sẽ gặp được anh ta.”* Nghe thế, tôi biết không thể làm gì hơn, nhưng trong sâu thẳm của lòng tôi, tôi vẫn mong mỏi được gặp gỡ người này.

oOo

Như chúng ta đã biết, thảm nạn thuyền nhân đã xảy ra sau khi miền Nam sụp đổ, và trong sự ngẫu nhiên tình cờ một nạn nhân của thảm trạng này là nhà văn Nhật Tiến, một người bạn học cũ của tôi từ thời trung học. Từ những lá thư viết từ trại tỵ nạn Thái Lan mà chúng tôi nhận được đã là nguyên nhân thành lập Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển, do GS Nguyễn Hữu Xương, một người bạn khác của chúng tôi làm chủ tịch. Từ việc kêu cứu lúc đầu, sau đã chuyển thành các công tác đem tầu đi Vớt Người Biển Đông. Cùng với những tổ chức quốc tế, một công tác đầy nhân đạo, cụ thể nên đã được cộng đồng người Việt chúng ta khắp nơi nhiệt tình hỗ trợ. Để quảng bá công tác này, cá nhân chúng tôi thường thay mặt GS Nguyễn Hữu Xương đi đến nhiều nơi để trình bày, giải đáp về hoạt động của Ủy Ban.. Tất nhiên với những giao tình sẵn có, tờ Đất Mới của anh Vũ Đức Vinh đã nồng nhiệt cổ vũ, và chúng tôi đã có một cuộc gặp gỡ bằng hữu tại Seattle, do thi sĩ Vũ Quang Hân đứng ra tổ chức, trong ngôi chùa của thầy Thích Minh Chiếu trụ trì. Thầy Thích Minh Chiếu, gốc nhà binh, xuất thân từ trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, cùng khoá với anh Phạm Hậu. Do đó, anh Phạm Hậu, một người bạn khác của chúng tôi, một thời cũng đã làm Giám Đốc Nha Vô Tuyến Truyền Thanh, rất sốt sắng làm đầu cầu, dàn xếp, đưa đón và cùng các anh em trong tờ Đất Mới tích cực hỗ trợ cho cuộc gặp gỡ này. Trong buổi nói chuyện này tại chùa, người đến dự không đông lắm, chỉ là một số bằng hữu, những người có liên hệ xa gần với tờ Đất Mới và ban trị sự của chùa mà thôi. Khi tôi chấm dứt phần thuyết trình cùng lúc trên màn ảnh TV, hình ảnh chiếc ghe tỵ nạn chìm dần xuống lòng biển mênh mông thì thầy Thích Minh Chiếu đứng lên ôm lấy tôi và nhạt nhoà nước mắt. Thầy nghẹn ngào nói : “ Quý hóa quá. Dù xây chín đợt phù đồ. . .” Và thầy sai một thầy tiểu đưa cho tôi một ly nước và tiếp tục nói : “Đây là một ly sâm, xin tặng ông, ông uống đi cho lấy sức.. Xin các ông chân cứng đá mềm, hãy gắng công, gắng sức để công tác Vớt Người Biển Đông thêm kết quả”. Có một số vị góp tiền cho, nhưng quan trọng nhất là có một vị cao niên sau chót đứng lên và nói: “Công việc của quý vị đẹp để quá, cần thiết và đúng lúc quá. Quý vị cần gì nơi chúng tôi, chúng tôi xin hết

sức”. Vì những vấn đề liên hệ đã được nói chi tiết trong bài thuyết trình, nên tôi bỗng nhớ đến tờ Đất Mới, tờ báo xuất bản ở nơi này, nhớ đến Nguyên Phong, nên tôi nói dù rất thật lòng nhưng lại có chút đùa vui *“Đến đây chúng tôi chỉ muốn gặp được người dịch loạt bài Hành Trình Về Phương Đông, anh Nguyên Phong mà thôi”*. Vị cao niên này bỗng cười vui :“ Dễ quá. Nguyên Phong là con trai lớn của chúng tôi. Hiện Nguyên Phong đang làm việc ở Los Angeles, khá gần ông. . .” Tôi mừng rỡ khôn cùng.

Khi trở lại San Diego, chỉ mấy ngày sau là cuối tuần, anh chị Nguyên Phong và cả 2 cháu, con anh chị đã từ Los đến thăm gia đình chúng tôi. Để đón anh, chúng tôi nấu một nồi phở vì ngoài những cái ngon, cái tiện do phở mang lại mà Nguyễn Tuấn và Vũ Bằng đã hết lời ca ngợi, phở còn có một đặc tính mới được ghi nhận sau biến cố 1975 nơi hải ngoại là “món ăn đợi khách”. Nồi phở để đó trên bếp, khách vì bất cứ lý do gì như kẹt xe không đến đúng giờ như dự liệu, không sao. Khách đến lúc nào ăn cũng vẫn ngon. Như một người em trong gia đình, anh chị Nguyên Phong rất xuề xòa và vui vẻ ngay từ phút đầu bước chân vào nhà. Vừa ăn vừa trò chuyện, và tôi bỗng phát hiện ra anh chị Nguyên Phong và cả hai cháu chỉ ăn bánh phở mà bỏ lại thịt trong bát. Thấy thế tôi hỏi, anh Nguyên Phong cho hay: *“Thường thì gia đình em ăn chay, nhưng khi đi đâu thì tùy hoàn cảnh, không câu nệ. Gặp gì ăn nấy.”* Thấy thế, chúng tôi mang mấy đĩa xôi trên bàn thờ xuống, một bầu không khí trên bàn ăn tưng bừng đổi khác. Chúng tôi cười vui tiếp tục trò chuyện và chúng tôi biết rằng anh Nguyên Phong, tên thật là Vũ Văn Du, sinh năm 1950, là con trưởng trong một gia đình đông con. Thân phụ nguyên là một vị không xa lạ trong y giới, cụ là một dược sĩ, đồng thời còn là một người có tâm, có tài và đã đóng góp rất cụ thể với Đại Học Vạn Hạnh. Các em anh, dù kẹt lại Việt Nam một thời gian, nhưng cũng đã sang được Hoa Kỳ và hoàn tất văn bằng về y khoa. Nhân được biết và liên hệ đến công tác Vớt Người Biển Đông, anh Nguyên Phong cho hay: “Hàng năm ít nhất một lần, anh em trong gia đình em họp mặt. Thay vì mua quà tặng nhau, em bảo, không cần, hãy dùng số tiền này gửi về Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển.” Do đó suốt mấy năm sinh hoạt, Ủy Ban đều nhận được những chi phiếu trên dưới 4 con số từ gia đình họ Vũ này. Và cũng hàng năm, tôi phải thảo một lá thư riêng cho Giáo Sư Nguyễn Hữu Xương, chủ tịch Ủy Ban ký để trân trọng gửi đến gia đình họ Vũ.

Trở lại với cuốn Hành Trình Về Phương Đông, tôi không quên nhắc đến những điều trùng hợp, tiên tri trong cuốn sách. Tôi có hỏi anh: *“Nguyên nhân*

nào đã khiến chú tìm ra tập sách này để dịch ra và phổ biến như thế?” Ngần ngại khá lâu, anh Nguyễn Phong cho biết: “Như anh chị biết, em là một người khoa học. Trong thời gian trung học, phải nói là em rất coi nhẹ triết lý Đông phương. Như những người lớn lên trong một quốc gia chậm tiến, em ngưỡng mộ nền học thuật Tây phương, không chỉ ở lãnh vực khoa học, mà em rất khao khát tìm hiểu những triết gia Âu Châu. Nhưng khi đã đi sâu vào sự tìm hiểu em thấy nền triết học Tây phương không giải đáp hết những nan đề của con người, của khoa học, nhất là trước sự khủng hoảng xung đột giữa Duy Tâm và Duy Vật hiện nay. Từ đó em quay về tìm hiểu những triết thuyết của Đông phương. Nói ra dài lắm, nhưng em thấy mọi việc, như Đức Phật nói: Mọi sự phát xuất từ tâm. Đặc biệt sau khi em vừa trình xong luận án Tiến Sĩ thì cũng là lúc Miền Nam của chúng ta thất thủ. Trong khi đó thì thầy mẹ em, các em của em đều kẹt lại. Lòng em rối như tơ vò. Biết chẳng thể làm gì được lúc này, những ngày cuối tuần và những ngày nghỉ lễ, em lên núi, với một chút thức ăn nhẹ, em ngồi thiền. Có khi cả tuần lễ chỉ uống nước lạnh xuống. Với một tâm hồn thư thả, và một thân hình nhẹ tênh, em nhiều lúc như thấy được thật rõ những ý nghĩ, những hoàn cảnh của những người thân yêu và em yên tâm chờ đợi. Chờ đợi một sự nhiệm mầu tốt đẹp sẽ đến. Tất nhiên trong thời gian ấy em đến thư viện rất thường. Một hôm em đi qua khu sách về tôn giáo, em thấy một cuốn sách nhỏ rơi ở lối đi, em nhặt lên, để lên giá sách, nhưng cũng không nhìn xem đó là cuốn sách gì. Đi một vòng quay lại, lại thấy cuốn sách kia rơi trên lối đi. Em lại nhặt lên và có liếc qua tên cuốn sách trước khi xếp nó vào giá. Sau cả một buổi trong thư viện, khi mọi người đã vắng, ra về, em đi qua khu sách cũ, lại thấy cuốn sách kia nằm giữa lối đi. Em nhặt lên. Cuốn sách mỏng, nhan đề *Journey To The East* của Baird Spalding, do nhà xuất bản Adyar in năm 1924 tại Ấn Độ. Cuốn sách cũ quá, nhưng bỗng nhiên em không muốn buông ra, em mượn cuốn sách này đem về đọc chơi. Nhưng lạ thay, suốt đêm ấy cuốn sách đã chinh phục em, em đọc một mạch, rồi lại đọc lại. Những điều nói trong cuốn sách như vẽ ra cho em một vùng trời vừa huyền bí, vừa trong sáng, lại vừa như khơi dậy từ sâu thẳm của em niềm tự hào của nền triết học Đông Phương. Chính lúc ấy em gặp các anh Thanh Nam và Vũ Đức Vinh với ý định ra tở Đất Mới. Các anh ấy mời em phụ trách mục giải đáp khoa học. Em nhận lời ngay với loạt bài Trong Lòng Điện Tử. Cùng lúc em dịch cuốn *The Journey To The East- Hành Trình Về Phương Đông*. Em đưa cho anh Thanh Nam xem, anh Thanh Nam thích quá, bảo em

dịch tiếp đi. Thế là trên tờ Đất Mới em có hai mục như đối chọi nhau, nhưng cùng ký tên Nguyên Phong, Một Làn Gió Mới. . .”

Sau chuyến gặp gỡ này chúng tôi liên lạc với nhau luôn và tờ Đất Mới đã không còn ngân khoản để xuất bản nữa, nhưng ám ảnh của loạt bài kia vẫn in sâu đậm trong lòng tôi. Tôi nói với anh Nguyên Phong: *“Phải góp lại và in ra đi, bỏ mất phí lắm”*. Anh Nguyên Phong ngần ngại mãi, sau cùng tôi đề nghị gửi loạt bài này lên cho người bạn tôi, anh Lê Đình Điều, báo Người Việt “xem có thể thì in ra cho vui”. Báo Người Việt nhận được, nhưng để rất lâu, cả năm sau mới in ra. Kỳ in đầu tiên là năm 1987. Ai cũng biết rằng sách in ra ở hải ngoại ít khi được tái bản lần thứ hai. Vậy mà trong lặng lẽ, độc giả bốn phương đã đón nhận cuốn sách này thật là nồng nhiệt. Cho đến năm 1993, cuốn sách này đã được in ra đến lần thứ sáu. Và bên cạnh cuốn sách này, có những cuốn sách khác lần lượt xuất hiện do Nguyên Phong dịch hoặc phóng tác, mang nội dung, cảnh trí của những vùng núi non thâm sâu, huyền bí, theo bước chân của những người đi về Phương Đông, đặc biệt là Tây Tạng, để tìm thầy, học đạo.

Cuốn Hoa Sen Trên Tuyết, phỏng dịch từ cuốn The Mani Stones của Alan Havey, một BS Y Khoa tốt nghiệp từ Đại Học Michigan. Hoa Trôi Trên Sóng Nước, dịch từ cuốn Journey In Search Of The Way của Satomi Myodo, người Nhật Bản. Huyền Thuật Và Đạo Sĩ Tây Tạng, phóng tác từ cuốn sách Pháp văn, nhan đề Mystiques Et Magiciens Du Thibet của bà Alexandra David Beel. Bên Rặng Tuyết Sơn, phóng tác từ cuốn sách của Swami Amar Jyoti, người Ấn Độ. Ngọc Sáng Trong Hoa Sen, phóng tác từ cuốn The Wheel Of Life của John Blofeld, người Anh. Và những cuốn sách khác nữa của Nguyên Phong, mang cảnh trí và nét huyền bí của Đông phương lần lượt xuất hiện đều đặn. Chỉ với những đầu sách nói trên thôi, trên 2000 trang sách, do những người Anh, người Pháp, người Nhật, người Mỹ và người Ấn, nói về những kinh nghiệm của họ khi tiếp xúc với Đông Phương, với Phật Giáo. Không biết có phải đây là một chứng minh mà trong cuốn Hành Trình Về Phương Đông đã nói, như trên chúng tôi đã dẫn: “Cuối thế kỷ 20 phong trào Duy Vật sẽ xụp đổ, hiện tượng nghiên cứu các giáo lý bí truyền sẽ bắt đầu”. Nhưng trong phần phụ lục của cuốn Ngọc Sáng Trong Hoa Sen, nơi trang 356, tác giả John Blofeld đã viết: ***“Lành thay, lành thay, giáo pháp của đấng Thế Tôn đã được vun trồng một cách tốt đẹp tại phương Tây”***. Và một cách cụ thể hãy nhìn vào cộng đồng người Việt ở Nam Cali, chúng ta có hàng trăm ngôi chùa, khó có ai có thì giờ đi thăm cho hết trong một kỳ nghỉ hàng năm, vài tuần. Có những ngôi chùa nhỏ bé, khiêm tốn được

tạm dựng trong một căn nhà. Có những ngôi chùa xây cất uy nghi, với đầy đủ tượng Phật, tháp chuông, vườn cảnh không kém gì những cảnh chùa có tiếng tăm ở quê nhà. Và hơn thế nữa, có những Trung Tâm Tu Học chiếm cứ cả một cánh rừng mênh mông mấy trăm mẫu đất. Bước vào đây như xa lánh hẳn xã hội tây phương, như một góc Việt Nam riêng biệt. Đồi núi chập chùng, tiếng chuông ngân toả giữa tiếng tụng kinh, giảng kinh bằng tiếng Việt cũng như tiếng Anh. Có những khoá tu học với hàng ngàn người tham dự, với lệ phí khá cao, mà đa số là những người bản xứ, người Mỹ. Trong đó không thiếu những người nổi tiếng, có danh vị trong xã hội, những tài tử điện ảnh. Ba mươi năm trước đây, ai dám nghĩ cả mấy chục ngàn người, ngồi kín cả một sân vận động, bỗng cùng cúi rạp mình xuống, (năm vóc sát đất, tứ chi và đầu sát đất), thật yên lặng trong nhiều phút để đón một ông già Á Đông, áo vàng hở vai, lù khù đi đội dép mỏng, vừa đi vừa cúi đầu đánh lễ bốn phương. Đó là một nghi lễ cực kỳ cung kính của tôn giáo Tây Tạng dành cho Đức Lạt Ma khi ngài xuất hiện.

oOo

Song song với những hoạt động của những tu sĩ đi hoằng hoá giáo pháp của Đấng Thế Tôn, những cuốn sách của Nguyên Phong, tên tuổi của tác giả trong lặng lẽ đã được rất đông người biết đến và ái mộ. Ái mộ không chỉ như một tác giả uyên thâm, mà còn hàm chứa hình bóng của một nhà tu hành, một vị đạo sư. Các sách của Nguyên Phong còn được nhiều người đọc vào băng, thu vào đĩa, hoà vào nhạc và phổ biến rất trân trọng và rộng rãi. Một trong những “trung tâm” này là chị Đăng Lan tại Úc. Trong dịp gặp chị đến San Diego, chị có tặng chúng tôi mấy cuốn băng đọc sách của anh Nguyên Phong, nhưng chị nói “Em muốn được gặp ông Nguyên Phong để xin phép mà không biết ông ấy ở đâu”. Chúng tôi có chuyển ý nguyện này tới anh Nguyên Phong, nhưng anh Nguyên Phong chỉ cười và nói: *“Không cần anh ạ. Chỉ là cái duyên, mỗi người trong chúng ta, tùy theo hoàn cảnh mà chuyển tải lời dạy của Đấng Như Lai thôi.”* Nguyên Phong không quan tâm đến danh, đến lợi. Ngay cả tác quyền những cuốn sách của anh in ra anh cũng không nghĩ đến. Mỗi khi có sách mới, nhà xuất bản tùy khả năng, họ gửi biếu tác giả một số sách. Những cuốn sách ấy tác giả lại gửi biếu bạn bè, trong đó có gia đình tôi. Thường thì chúng tôi nhận được một thùng sách khoảng mười cuốn, trong đó mấy cuốn có chữ ký tặng, số còn lại thì tôi cũng tùy nghi, biếu bè bạn thân quen, hay đem lên chùa để ai thích thì thỉnh về đọc. Một năm trung bình anh Nguyên Phong có 2 cuốn sách được in, rất đều hoà như thế. Được hỏi, anh nguyên Phong cho hay, hàng ngày, sau giờ

đi làm về, anh ngồi vào máy, viết và dịch. Chưa xong nhà xuất bản đã gọi, đã nhắc, đã vẽ bìa cho cuốn sách rồi. Cứ thế, những cuốn sách của Nguyên Phong in thật đẹp bay đi bốn phương trời. Những lời dạy của Đấng Như Lai qua những trang sách của Nguyên Phong đã thấm đượm tới những ai, làm nhẹ được những nhọc nhằn, phiền muộn của thế nhân tới mức độ nào, không ai lường được. Những hàng chữ ấy, với tôi, tôi coi như những giòng suối mát, êm ả chảy đi, thấm đượm, nuôi sống bao nhiêu cây trái của cuộc đời này. Con suối không cần ai biết mà vẫn cứ miệt mài tuôn chảy.

oOo

Mỗi giao tình giữa chúng tôi mỗi lúc mỗi thêm sâu đậm. Trong niềm khát ngưỡng tìm hiểu những lời dạy của Đấng Như Lai, anh Nguyên Phong có sách mới, hay những tài liệu mới, anh không bao giờ quên gửi cho gia đình chúng tôi và cả các em của chúng tôi nữa. Đáng chú ý nhất là [Thông điệp của Những Người Anh](#), trích từ bài Elder Brothers Warning của Alan Ereira, Nguyên Phong đã dịch ra Việt ngữ và giới thiệu như sau:

“Tháng 10 năm 1993, đài BBC tại Luân Đôn và đài PBS Hoa kỳ đã cho phát hình một tài liệu đặc biệt ghi lại nếp sống của một bộ lạc thiểu số tại Nam Mỹ. Cuốn phim này đã gây chấn động dư luận thế giới và hiện là một đề tài được bàn cãi rất nhiều trong giới khảo cổ, môi sinh và nhân chủng học. Lần đầu tiên được trình chiếu trong kỳ đại hội tôn giáo hoàn cầu tại Chicago, nó đã gây xúc động lớn cho toàn thể cử tọa. Cuốn phim ấy đã cho chúng ta thấy bên cạnh thế giới được gọi là văn minh là thế giới của chúng ta, trên trái đất này còn có một nền văn minh khác của người Kogi sống trên dãy núi Sierra ở nam Mỹ. Họ sống biệt lập với thế giới của chúng ta, rất đơn giản nhưng thật hoà bình và hạnh phúc, đặc biệt họ chỉ ăn chay, không sát sinh. Tuy sống cách biệt nhưng họ vẫn có khả năng theo dõi và quan tâm đến chúng ta, đặc biệt là quan tâm đến sự an nguy của quả đất này do những hành động vô ý thức của chúng ta tiếp tục gây ra. Bởi thế, đã đến lúc họ phải lên tiếng cảnh cáo chúng ta trước khi quá muộn. Họ nói: “Nhân loại sắp bước vào một thảm họa rất lớn mà từ trước tới nay chưa hề xảy ra (...). Chúng ta đều là con cùng một mẹ nhưng tiếc là các em đã không chú ý đến điều này (...). Mẹ của chúng ta là ai? Chính là trái đất này, lòng mẹ chính là biển cả và trái tim của mẹ là những dãy núi cao cả có mặt khắp nơi. Nay các em, đốt rừng, phá núi, đổ đổ ô uế xuống biển chính là chà đạp lên thân thể của mẹ đó. Mẹ là nguồn sống chung và con người không thể sống mà không có mẹ, nếu trái đất bị huỷ hoại thì chúng ta sẽ sống ở đâu ?”(…) Làm sao các em

có thể tự hào rằng mình đã văn minh khi nhân loại và mọi sinh vật mỗi ngày mỗi đau khổ nhiều hơn xưa? Làm sao có thể nói rằng nhân loại đã tiến bộ khi con người càng ngày càng thù hận, chỉ thích gây chiến tranh khắp nơi?”.

Cuốn băng hình và bài thuyết trình của ký giả Allan Ereina là kết quả của phái đoàn ký giả của đài BBC tại Luân Đôn và PBS tại Hoa Kỳ, sau 3 ngày được phép sinh hoạt với người Kogi. Phái đoàn này rời rặng núi Sierra vào tháng hai năm 1993, và người Kogi đã ân cần nhắc nhở: “Xin các ông hãy mang thông điệp này gửi ra cho thế giới bên ngoài để nhân loại biết rằng tình trạng đã nguy kịch lắm rồi. Nếu họ không chịu thức tỉnh thì đợi đến bao giờ đây?”.

Theo đúng lời yêu cầu, Allan Ereira đã mang cuốn phim “**Elder Brother’s Warning**” trong đại hội tôn giáo họp tại Chicago vào tháng 9 năm 1993. Cuốn phim này cũng được trình chiếu trên các băng tần của đài truyền hình BBC tại Anh và PBS tại Hoa Kỳ. Và anh Nguyễn Phong đã gửi cho tôi bài viết của ký giả Allan Ereira cùng với cuốn phim tài liệu này. Càng xem, càng đọc bài viết về những lời nhắc nhở của người Kogi, tôi càng thấy rằng những điều người Kogi biết rất chính xác về những lợi dụng quá đáng của loài người, làm ô nhiễm môi sinh, làm huỷ hoại môi trường sống không chỉ đối với loài người, mà với cả muông thú, cỏ cây. Nếu những điều này đã đúng thì: “loài người sắp bước vào một thảm họa rất lớn từ trước đến nay chưa hề xảy ra” chắc cũng sẽ đúng. Vậy thảm họa đó là gì, khi nào sẽ diễn ra? Đó là nỗi ám ảnh không rời trong lòng tôi. Rồi biến cố 911 ào đến là kết quả của những hận thù giữa con người với nhau. Rồi sóng thần Sunami từ biển đổ vào bờ biển Thái Lan và Ấn Độ, cuốn đi nhà cửa và hàng trăm ngàn người, giữa lúc họ đang an hưởng sự phong phú của thiên nhiên, của cuộc sống. Rồi bão tố và cuồng phong Katrina ập vào bờ biển nước Mỹ, gây nên cảnh lụt lội rộng lớn cuốn đi bao nhiêu nhà cửa, ruộng vườn, tàu bè, xe cộ. Tai biến đổ lên nước Mỹ, vùng đất tượng trưng cho sự giàu mạnh và văn minh nhất của nhân loại, như một cảnh báo cụ thể, một sự trừng phạt trước sự hung hăng, kiêu mạn về “văn minh” của con người.

Phải chăng đó là những thảm họa mà “Những Người Anh” đã cảnh báo. Như thế đủ chưa, hết chưa hay hãy còn có những tai họa nào sẽ diễn ra trong tương lai? Hãy nhìn những đoàn xe nối đuôi nhau bất tận trên xa lộ, mỗi xe ít nhất là 5 chỗ ngồi, thường chỉ có 1 người trong xe. Vì muốn có tự do tuyệt đối, tiện nghi tối đa, con người đã phung phí tài nguyên của quả đất như thế nào? Những tờ báo hàng ngày hàng trăm trang, với rất nhiều bài viết về những lãnh

vực khác nhau, thường chỉ được người đọc xem qua loáng thoáng ở những phần mình ưa thích. Các mục khác, hầu như cả tờ báo còn nguyên vẹn, được liệng vào thùng rác. Để có những trang báo ấy, bao nhiêu cánh rừng đã bị khai quang. Và ai cũng biết, rừng cây không chỉ cho chúng ta gỗ, lá, mà chính rừng cây là nơi sản xuất dưỡng khí làm tươi mát, nuôi sống cho cuộc đời này. Rừng là lá phổi của muôn loài trên hành tinh này. Mới chỉ thoáng nghĩ như thế, chúng ta càng kinh hoàng trước những lời nhắc nhở kia. Sự suy nghĩ đó càng sâu, tôi càng thấy giữa anh Nguyên Phong và chúng tôi như có chung một mối lo đợm nhiều sự huyền diệu, lạ kỳ.

Từ đó, nhân hôm anh Nguyên Phong xuống thăm chúng tôi, một số bạn bè trong nhóm tu học, cùng đến. Chúng tôi nài nỉ anh Nguyên Phong cho chúng tôi một cuộc đàm thoại. Anh ngần ngại mãi mới khiêm tốn nhận lời. Vấn đề trên lại được mang ra thảo luận. Người nghe không chỉ có những người lớn tuổi như chúng tôi, mà còn có cả thành phần trẻ, những người được sinh ra, lớn lên và trưởng thành ở Mỹ này. Anh nói bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Vì “*vấn đề bao quát quá, xin được thu hẹp trong phạm vi thực phẩm mà chúng ta dùng hàng ngày*”. Sau nhiều thí dụ rất cụ thể, anh kết luận rằng: “*Xã hội Mỹ làm gì cũng muốn đốt giai đoạn, làm thật nhanh để mau có lợi. Trong việc chăn nuôi, để mau có kết quả, người Mỹ đã trộn nhiều hoá chất vào thực phẩm gia súc, nhất là trong kỹ nghệ nuôi bò. Sau đó khi chúng ta ăn thịt những gia súc ấy, đương nhiên chúng ta cũng tiếp nhận những ảnh hưởng của những hoá chất kia. Những con trẻ dùng thực phẩm này, cũng lớn nhanh hơn bình thường. Thân xác các em phát triển sớm, nhưng trí tuệ thì không phát triển kịp, do đó đưa đến những xáo trộn nếp sống, xáo trộn xã hội...*”. Nghe anh nói đến đây, tôi nghĩ đến một danh từ thường được sử dụng trong xã hội này: terrible teenager và những chuyện phiền hà, bi thảm, những cuộc thảm sát tại các trường học do trẻ nhỏ gây ra; những “bà mẹ-trẻ con” bắt đầu dĩ khi mới vừa xong tiểu học . . .

Cũng trong dịp này, nhà văn Nguyên Phong cũng kể một câu chuyện của một người mê nhậu nhẹt như sau :“...anh ta rất khoái nhậu món lươn um. Như thường lệ, trước khi làm sạch nhớt, anh ta bỏ con lươn vào một chậu nước sôi, rồi dùng cái que nhỏ dìm con lươn xuống nước. **Con lươn cố vùng vẫy để cái bụng trôi lên khỏi mặt nước nóng. Dìm nhiều lần như thế, nhưng cái bụng con lươn vẫn cứ trôi lên. Sau vớt con lươn ra, mổ bụng nó ra mới hay là con lươn đang có mang. Có lẽ nó đã cố gắng trôi cái bụng lên để con nó trong bụng khỏi chết chằng?**” Sau câu nói này, anh

Nguyên Phong đã ngồi im, mọi người nghe cũng ngồi im, nhưng rất nhiều người đã đầm đìa những lệ. Trong giây phút ngập tràn xúc động này, anh Nguyên Phong đã nói: “Mọi sinh vật đều tham sống, sợ chết, chúng cũng có tình thương, tình mẫu tử chứa chan. Con bò trước khi bị đẩy vào lò sát sinh cũng đã cố ghi bước lại và hai hàng nước mắt chảy. **Những giờ phút đó, nỗi oán hận ngập tràn. Nỗi oán hận đó tiêu tán đi đâu? Nỗi oán hận đó thấm vào từng tế bào của thân thể nó. Khi chúng ta ăn những miếng thịt mang nỗi oán hận này, nỗi oán hận nhiều hay ít đã tạo nên những độc tố chống lại cơ thể chúng ta.** Phải chăng đó là nguyên nhân gây nên những chứng bệnh hiểm nghèo mỗi lúc mỗi lạ trong cuộc sống của xã hội chúng ta? Tuy chưa có một cuộc nghiên cứu khoa học nào chứng minh đầy đủ điều này, nhưng cứ lấy cá nhân mình mà suy xét, tôi tin rằng mình dùng sự khôn lanh, tàn bạo để ăn thịt những động vật khác là một sự không công bằng. Oán oán chập chùng, muôn loài bị con người tàn sát, chắc không để chúng ta yên đâu. Đức Phật, một vị toàn giác, cũng đã khuyên chúng ta nên ăn chay. Trong tinh thần ấy, cá nhân tôi, gia đình tôi, cũng như đại gia đình của chúng tôi từ song thân tôi, anh em tôi, hầu như tất cả đều ăn chay. Chúng tôi ăn chay từ ngày còn bé.”

Nghe thế, những người lớn, những người có tuổi, từng lên chùa, tìm đọc kinh Phật thì đồng ý rất dễ dàng. Nhưng có một vài thanh niên đặt câu hỏi: “Tôi thấy chú nói như thế thật hay. Nhưng có lẽ chú làm được, các bác làm được. Chúng cháu còn trẻ, học hành và chơi thể thao, cần rất nhiều nhiệt lượng, sợ ăn chay không đủ chất bổ, khó theo được cách ăn uống này.” Anh Nguyên Phong tươi cười đáp: “Đừng lo. Nhiều người cũng đã lo như thế. Hãy lấy cá nhân tôi để chứng minh. Tôi làm việc cho Boeing ít nhất 10 tiếng một ngày. Cuối tuần nhiều khi phải cùng ông giám đốc công ty đi thăm viếng các nơi. Tối về nhà tôi đọc và dịch sách, hoặc soạn bài giảng hay xem xét các bài vở cho các sinh viên làm luận án với tôi. Đặc biệt, không ngày nào tôi không phải nghiên cứu và học thêm. Những dữ kiện mới lạ tràn ngập. Không học, đứng yên là bị đào thải ngay, còn mong gì chỉ huy được ai nữa. Thường tôi không bao giờ ngủ trước 12 giờ. 6 giờ sáng tôi đã dậy, ôn tập các bài vở.”

Anh Nguyên Phong chỉ nói đơn giản thế thôi, nhưng trên thực tế, anh là một trong số rất ít nhân vật quan trọng, đã có những đóng góp cụ thể và to lớn vào sự canh tân và phát triển của hãng Boeing, hãng đóng máy bay lớn nhất hoàn cầu này. Trong bản tin nội bộ của công ty, ISSUES, phát hành thành 1 năm

1996, có đặc biệt vinh danh 2 người như sau : “Two people, one the architect of the Boeing’s Intranet and the other an expert in the field of software process improvement, have named Associate Technical Fellows of the Boeing Company for 1997.” Bài báo do Paul Swartz viết, nói rõ hơn về những phát minh quan trọng của khoa học gia Nguyễn Phong như sau: “*Vu joined Boeing in 1987 working as a senior computing analyst on CATIA systems supporting the development of the 777. He now works in software Engineering Research and Technology, leading companywide software improvement process and consulting in software engineering disciplines.(...) He was lead engineer on the Tomahawk cruise missile navigation system and was technical manager of avionic systems for the F-15 fighter and AH-64 Apache helicopter.*

During his time at Boeing, Vu has gained a reputation as one of the world’s expert on the Capability Maturity Model, a tool used to measure the effectiveness of software processes. He also coauthor of the company’s Advanced Quality System, which helps Boeing identify, select and establish relationships with suppliers and the standard used by BCG for subcontractor management.

Vu lives with wife and two children. He also works with the terminally and is a fourth-degree black belt in karate”.

Một người thành đạt như thế, hữu hiệu như thế, và lành mạnh như thế, thường thì, dù cố gắng, không khỏi có những sự tự tin, tự mãn và kiêu hãnh, nhưng ở anh Nguyễn Phong thì không, hoàn toàn không. Bởi hàng ngày anh đều nghiêm khắc và trân trọng làm lễ sám hối. Anh nói: “*Và một điều nữa tôi không bao giờ quên trước khi đi ngủ là để tâm rất thanh tịnh làm lễ sám hối. Sám hối những sai lầm dù vô tình hay cố ý mà ta đã gây ra trong ngày. Lễ với tâm thanh tịnh còn là để giải trừ lòng kiêu mạn của chính ta. Nếu ta xét trong ngày chúng ta đã không có lỗi gì, thì lễ sám hối để tiêu trừ những lỗi lầm từ ngàn vạn kiếp của chúng ta từ vô thủy đến nay. Trong mịt mù của tiền kiếp, biết bao lỗi lầm chúng ta đã gây ra. Chính sự kiêu mạn là nguyên nhân của những hiểu lầm, oán ghét, hận thù, tạo ra những tranh chấp trong cuộc sống. Chiến tranh cũng từ đó mà phát sinh. Nỗi thống khổ của loài người phải chăng cũng từ lòng kiêu mạn mà bành trướng?*”

Nói rồi, sau một phút lặng yên, không có ai có ý kiến gì thêm nữa, anh Nguyễn Phong nghiêm trang thỉnh ba tiếng chuông. Tiếng chuông trong veo ngân toả. Anh Nguyễn Phong chấp tay, cúi đầu sát đất, xá tất cả mọi người,

khiến ai nấy đều cung kính xá lại, tạo cho sự kết thúc buổi sinh hoạt một vẻ trang trọng, khiêm cung, tương kính và thương yêu bao trùm tất cả mọi người và cảnh vật xung quanh. Ai nấy bỗng như vừa tìm thấy một hạnh tu thật đẹp đẽ, giản đơn và cũng thật là bình đẳng, phù hợp với nếp sống hiện tại, mà vẫn không hề đi ngược lại những lời giáo huấn của Đấng Như Lai.

oOo

Hơn 20 năm quen biết một người. Đọc trên dưới 2000 trang sách của người ấy dịch, phóng tác và viết ra, chính cá nhân tôi đã học được từ người ấy nhiều lắm, từ những kiến thức hiện đại cũng như cách ứng xử trong cuộc sống, khiến tôi không thể không viết về người ấy. Đành rằng sau cuộc đời chưa chát năm 1975, quanh ta biết bao nhiêu những điều trái tai gai mắt làm cho chúng ta chán ngán, buồn lòng; nhưng trong lặng lẽ, chúng ta cũng đã chứng kiến biết bao nhiêu nghĩa cử đẹp đẽ, bao nhiêu nỗ lực bền bỉ và âm thầm từ những gia đình, từ những cá nhân cố gắng làm nên. Nói về cái xấu thì đã có nhiều người viết, bây giờ có ai nói thêm tưởng cũng chẳng ích chi. Riêng tôi, tôi muốn nói về cái hay, cái đẹp, như những viên ngọc quý trong cộng đồng chúng ta, tuy lặng lẽ nhưng đáng trân quý biết là bao nhiêu. Dù biết rằng viết như thế là phạm vào một lỗi lầm, làm sút mẻ một phần nào tính khiêm cung của những người ấy, nhất là của tác giả Nguyên Phong. Nguyên Phong, một luồng-gió tinh-khôi lành mạnh đã và đang thổi vào nếp sinh hoạt của chúng ta nơi hải ngoại và lặng lẽ thấm thấu đến mọi phương trời, làm mới những suy nghĩ cho những ai tìm đọc được sách của anh, thấy được lời chỉ dạy của Đấng Như Lai. Bài viết này như khêu lên một ngọn đèn tuy nhỏ bé nhưng hy vọng lần lượt sẽ có những ngọn hải đăng sáng rõ hơn được thắp lên làm tan đi bóng tối hận thù, độc ác và lừa dối, cũng như bớt đi những hệ lụy thấp hèn từ bao lâu nay đã bao phủ lên dân tộc và cộng đồng chúng ta. Bao lâu còn có những luồng gió lành mạnh ấy thổi lên, còn có nhiều người đón nhận, còn những kẻ “khêu đèn, tiếp lửa” thì tôi vững tin rằng dân tộc chúng ta chắc chắn sẽ hồi sinh. Trong tinh thần ấy, tôi cũng xin cúi đầu đánh lễ bốn phương trời, mười phương đất, xin tất cả chư vị đạo giả cũng như bằng hữu xa gần, đại xá cho những vụng về, thiếu sót khi tôi viết bài này. Cũng mong anh Nguyên Phong xin đừng phiền trách.

Biography:

John Vu is senior principal scientist at Boeing's Software Engineering Research and Technology. He has more than 20 years of experience as software engineering

and project manager; he is currently the lead on software process improvement in Boeing.

Ngoài công việc chính tại Boeing, ông vẫn tiếp tục nghiên cứu và là khoa học gia (Senior Scientist) tại đại học Carnegie Mellon University và Seattle University. Ông còn đi dạy tại một số đại học quốc tế khác tại Trung Hoa, Nam Hàn, Nhật Bản, Ấn Độ về lãnh vực Software Engineer.

Ông cũng vừa cho xuất bản cuốn sách giáo khoa Software Engineer bằng Hoa ngữ, (do những một số học trò của ông soạn, dịch từ những bài giảng của ông.). Cuốn sách này là tài liệu giáo khoa chính của rất nhiều đại học Trung Hoa hiện nay.

Phan Lạc Tiếp

16 tháng 5 - 15 tháng 8, năm 2006.